

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM AN TÍN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM AN TÍN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAM AN TIN TRADING SERVICES INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TAM AN TIN TASI CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107963596

3. Ngày thành lập: 15/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 95, ngách 35, ngõ Giếng Mút, đường Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
2.	Hoạt động viễn thông khác	6190
3.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492(Chính)
4.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư;	6619
5.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản	6820
6.	Cho thuê xe có động cơ	7710
7.	Đại lý du lịch	7911
8.	Cơ sở lưu trú khác	5590
9.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
10.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
11.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
13.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
14.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
16.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
17.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
18.	Bốc xếp hàng hóa	5224
19.	Điều hành tua du lịch	7912

20.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
21.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
23.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
24.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
25.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
26.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý.	4610
27.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
28.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
29.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
30.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
31.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
32.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
33.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
34.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
35.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
36.	Xây dựng nhà các loại	4100
37.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
38.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
39.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	9329
40.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
41.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
42.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
43.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
44.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
45.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
46.	Bán mô tô, xe máy	4541
47.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
48.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
49.	Phá dỡ	4311
50.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530

51.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9620
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
53.	Bán buôn thực phẩm	4632
54.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
55.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM THỊ CẨM THƯƠNG	Khu 6, Phường Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	400.000.000	80,000	100926643	
2	TRẦN ANH ĐỨC	Số 95, ngách 35, ngõ Giếng Mút, đường Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	50.000.000	10,000	001086004911	
3	PHẠM HỮU MINH	Số 1, lô C, đường Lạc Trung, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	50.000.000	10,000	011536949	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ CẨM THƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 25/12/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 100926643

Ngày cấp: 10/09/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu 6, Phường Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 95, ngách 35, ngõ Giếng Mút, đường Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội